

PHẬT THUYẾT THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO KINH GIẢNG GIẢI

Chủ giảng: HT Tịnh Không

Chuyên ngữ: Thích Nữ Huệ Hạnh

Giọng đọc: NSUT Phú Thăng

Bài số 36

(Trong bài giọng nam là lời giảng của HT, giọng nữ là những chú giải thêm.

Hôm qua chúng ta đang nghe đến kinh văn 49

Kinh văn 49: **“Thần túc trang nghiêm cố, hằng linh thân tâm khinh an khoái lạc”** (Nghĩa là: Do dùng thần túc trang nghiêm, thường khiến thân tâm nhẹ nhàng an lạc.)

Tứ thần túc hay chính là tứ như ý túc gồm Dục như ý túc, Niệm như ý túc, Tấn như ý túc, và Huệ như ý túc. Chúng ta đã nghe hết ý thứ nhất là “Dục như ý túc”, cũng đang nghe dở ý thứ 2 là “Niệm như ý túc”. Niệm như ý túc chính là “nhất tâm bất loạn”. Nhất tâm chính là chánh trụ, trụ này là Phật trụ, còn Bồ tát trụ Lục độ, Thanh Văn trụ Tứ đế, Duyên Giác trụ Thập nhị nhân duyên; “trụ” này là ý nói giữ tâm. Thiên Nhân trụ “Thập thiện”, “Tứ vô lượng tâm” (tức từ- bi -hỷ- xả). Chỉ có tâm của chúng sanh trong Tam đồ là trụ ở tham, sân, si vì cứ khởi tâm động niệm là có tham, sân, si.

Bây giờ chúng ta sẽ nghe HT giảng tiếp về niệm như ý túc:

Phật, Bồ tát từ bi, gia trì cho chúng sanh vì muốn khuyến dạy chúng sanh. Chúng ta có thể tiếp nhận sự khuyến dạy ấy, có thể lãnh ngộ, chừa bỏ điều lỗi, tu sửa bản thân thì chính là **“hồi đầu thị ngạn”** (nghĩa là quay đầu là bờ). Phải quay đầu từ đâu? Từ trong lục đạo luân hồi, mười pháp giới quay đầu hướng về Nhất chân pháp giới. “Bờ” là đây chứ còn đâu! Còn trong lục

đạo, mười pháp giới là vẫn còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Quay đầu chính là từ bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, từ bỏ lục đạo! Nghiệp nhân quan trọng nhất của lục đạo luân hồi là “kiến tư phiền não” (còn gọi là kiến tư hoặc), từ “kiến tư phiền não” mới tạo nên lục đạo luân hồi. “Kiến hoặc” quy nạp thành năm loại lớn gồm: Thân kiến, Biên kiến, Kiến Thủ kiến, Giới Thủ kiến và Tà kiến. Còn “Tư hoặc” cũng gồm năm loại: tham, sân, si, mạn và nghi. Chúng ta buông xả được hoàn toàn Kiến tư phiền não, từ đây quay đầu chính là mười thiện nghiệp.

Nếu không thể hiểu được Kiến tư phiền não thì chúng ta chỉ cần nhớ theo cách đơn giản nhất rằng đó chính là mười thiện nghiệp. Trái ngược với mười thiện nghiệp là mười ác nghiệp.

Từ sát, đạo, dâm quay đầu lại là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm.

Từ vọng ngữ, lường thiệt, ác khẩu quay đầu lại là cả đời không vọng ngữ, không lừa mình, dối người; không ác khẩu, không lường thiệt và không ỷ ngữ. Như thế mới chính thật là quay đầu. Quay đầu thành Phật, thành Bồ tát tức là không làm phạm phu nữa.

Ý có ba điều là: tham, sân, si. Từ tham, sân, si quay đầu lại là không tham, không sân, không si. Không những không tham tất cả pháp thế gian mà cả pháp xuất thế gian cũng không tham thì niệm xem như đã thanh tịnh rồi. Lúc này mới thực là “nhất tâm chánh trụ”, đối xử với tất cả chúng sanh giống như với chư Phật, Bồ tát.

Khi giáo hóa chúng sanh, nếu họ là chủng tánh Bồ tát thì chúng ta dùng Lục độ để giáo hóa; nếu họ là chủng tánh Thanh Văn thì dùng Tứ đế dạy họ; họ là chủng tánh Thiên Nhân thì dùng mười điều thiện, Tứ vô lượng tâm để dạy họ. Đó chính là những phương tiện giáo hóa chúng sanh. Vậy nhất tâm chánh trụ của bản thân thì có chướng ngại hay không? Chắc chắn không, vậy nên mới có thành tựu vô lượng vô biên công đức chân thực được.

Vậy cuối cùng thì tâm của chúng ta an trụ ở đâu? Trong Kinh Kim Cang có dạy: **“Ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm”** (nghĩa là không trụ vào đâu cả thì sanh cái tâm). “Vô sở trụ” mới thực là chánh trụ, khi ấy mới không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt và cũng không chấp trước. Đây không phải việc phàm phu làm được nên Phật mới vì chúng ta mà thuyết giảng tám mươi bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn. Đó là phương tiện. Nên hiểu rằng pháp chân thật thì không thể nói thành lời, Phật có thể giảng những điều ấy, có thể biểu hiện ra thì ấy toàn là pháp phương tiện.

Cho nên, trong Kinh Phật mới dạy chúng ta là **“Pháp còn phải xả, hướng hồ những thứ không phải pháp?”** Người thông minh thì có thể từ phương tiện mà ngộ nhập chân thật. Đây chính là “chân đế” dạy học của Phật. Không có phương tiện, chúng ta không biết bắt đầu từ đâu, nên pháp phương tiện là phải dùng, không được chấp trước. Trong Kinh có dẫn một ví dụ rất hay, như lúc qua sông chúng ta phải có thuyền thì thuyền chính là pháp phương tiện; qua sông rồi thì không cần thuyền nữa. Phật pháp cũng như thuyền, chúng ta có thể dùng nó nhưng không chấp trước nó. Chấp trước là sai rồi nên mới có câu **“Pháp còn phải xả, hướng hồ những thứ không phải pháp?”**. Tâm ta phải giữ thanh tịnh chẳng nhiễm chút bụi trần.

Đại sư Lục Tổ Huệ Năng có câu rất hay **“Bản lai vô nhất vật”** (nghĩa là “trước giờ vốn không có vật nào”), “bản lai vô nhất vật” tức là **“ưng vô sở trụ”** mà Kinh Kim Cang đã nói tới, **“Nhi sanh kỳ tâm”** là sanh tâm độ hóa chúng sanh. “Vô trụ” với “Sanh tâm” là một chứ không phải hai thứ khác biệt.

Phàm phu chúng ta ngày nay rất khó khăn, sanh tâm thì không thể vô trụ, sinh tâm liền có trụ, còn nếu vô trụ thì lại không thể sanh tâm, cứ luôn ở hai bên không hợp long lại được. Đây là phàm phu. Sanh tâm và vô trụ của Phật, Bồ tát thì là một không phải hai. **“Sinh tâm chính là vô trụ, vô trụ chính là sinh tâm”**.

Chúng ta cứ lãnh hội từ từ mới mong lãnh hội được chút ít tư tưởng và ý nghĩa của Viên giáo. Có – không là đồng thời, nó cũng là điều Đại thừa thường nói: “Bất nhị pháp môn” (nghĩa là: Pháp môn không hai).

Cho nên Ông Âu Dương Cảnh Vô có nói là “*Phật pháp không phải tôn giáo, cũng không phải Triết học, Phật pháp chính là Phật pháp, không có bất kỳ pháp môn thế gian nào có thể sánh bằng*”. Nguyên nhân vì đâu mà không thể sánh bằng? Thế pháp được sanh ra từ ý thức, còn Phật pháp là từ chân tánh mà hiển lộ ra.

Vậy làm thế nào chúng ta mới khế nhập được cảnh giới ấy? Phải dụng “nhất tâm”, còn hễ khởi lên ý nghĩ thì là “hai tâm”. Chỗ này cần phải ghi nhớ, với người thông thường mà nói, khởi niệm là vọng tưởng, còn không khởi niệm là vô minh, cả hai thứ ấy đều không phải “nhất tâm”; phạm phu nếu không phải rơi vào vọng tưởng thì cũng là sa vào vô minh.

Vậy rốt cuộc chân tâm là gì? Là “**Tịch nhi thường chiếu, chiếu nhi thường tịch, tịch chiếu đồng thời**” (nghĩa là lặng nhưng thường soi chiếu, soi chiếu nhưng thường lặng, lặng và soi chiếu là cùng lúc). Trong đó, “tịch” là vô trụ, chiếu là sanh tâm. “Tịch nhi thường chiếu, chiếu nhi thường tịch” chính là “Vô trụ sanh tâm, sanh tâm vô trụ”. Ví như khi chúng ta giúp đỡ cho tất cả chúng sanh khổ nạn thì phải tận tâm tận sức, cố gắng nỗ lực, lúc đương giúp hay khi đã giúp rồi thì vẫn giữ tâm thanh tịnh, không chút nhiễm trần thì đó chính là cảnh giới “tịch chiếu song dung”. Người phạm không đạt được cảnh giới này vì cứ khi làm được một vài việc tốt thì lại cảm thấy mình đã làm được rất nhiều việc tốt rồi, công đức lớn lắm rồi, niệm niệm không quên. Đây chính là chấp tướng, tâm không thanh tịnh. Làm với không làm chỉ là một, không phải hai. Nhất định không được chấp tướng, không những không chấp tướng (chính là chấp trước) mà ngay cả phân biệt, vọng tưởng cũng không được có. Vậy mới gọi là “nhất tâm chánh trụ”, tâm niệm của chúng ta được tự tại, như ý.

Hai điều phía trước là quan trọng nhất trong “Tứ thần túc” là Dục và Niệm, đặc biệt là Niệm. Thật sự mà nói, chúng ta vô cùng may mắn nên trong

vô số pháp môn có thể gặp được phương tiện pháp môn Tịnh Độ dạy chúng ta đặt tâm hằng trụ vào một câu Phật hiệu. Vậy là có niệm hay không? Có niệm. Đó chính là dùng một niệm để dừng lại tất cả vọng niệm. Bất kể làm việc gì trong tâm chỉ luôn có “A Di Đà Phật”. Ví dụ, chúng ta tu Lục độ, Lục độ áp dụng thực tế đời sống, trong tâm ta niệm “A Di Đà Phật”; chúng ta đối người, xử việc, tiếp vật, học Tứ nhiếp pháp, trong tâm cũng là “A Di Đà Phật”; Đoạn mười ác, tu mười thiện trong tâm vẫn là “A Di Đà Phật”. Tất cả những thứ chúng ta tu học được đều quy về một câu “A Di Đà Phật”. Trong tâm chỉ có “A Di Đà Phật”, ngoài “A Di Đà Phật” không khởi lên niệm thứ hai nào khác, ấy chính là người biết niệm Phật, chắc chắn vắng sanh. Mỗi niệm nắm chắc “A Di Đà Phật” thì “A Di Đà Phật” chính là mệnh căn của chúng ta, chỉ có “A Di Đà Phật” là chân thật, tất cả những điều khác đều là hư vọng, ấy gọi là “chân thật niệm Phật”. Điều này quan trọng hơn hết thảy mọi điều.

Chúng ta nhất tâm trụ tại “A Di Đà Phật”, không phân biệt, không chấp trước cũng không gián đoạn. Trong đời sống sinh hoạt thường ngày phải y theo lời dạy trong Kinh, quyết không làm trái. Chúng ta đề ra năm khoa mục:

Một là, “Tịnh nghiệp Tam phước”,

Hai là “Lục hòa kính”; chúng ta phải thật làm! Người bất hòa với ta, ta vẫn hòa kính với người. Mỗi người đều có con đường riêng của mình. Người bất hòa với ta thì người sẽ đi vào lục đạo, ta hòa kính với người nên chúng ta được vào thế giới Cực Lạc. Ta có thể giúp người thì tận lòng tận sức giúp nhưng thực tế nếu không giúp được cũng không bị người liên lụy, người bị đọa tam đồ ta đâu thể nào cứ theo cùng. Đó chính là điều Phật thường dạy, trước phải tự độ mình, mình còn không độ được mình mà muốn độ cho người là điều không thể.

Ba là “Tam học” tức là Giới – Định – Huệ. Kinh Vô Lượng Thọ dạy rất cụ thể, “Khéo giữ tam nghiệp” là Giới học, “Tam muội thường tịch” là Định học, “Quán pháp như hóa” là Huệ học.

Bốn là “Lục ba la mật”...

Và Thứ năm là “Phổ Hiền Bồ tát thập đại nguyện vương”.

Chúng ta sống, làm việc, đối nhân, xử thế, tiếp vật đều phải tuân thủ năm khoa mục này. Đó là Bồ tát đạo. Người khác không đi, chúng ta đi! Chúng ta biết đây là Bồ tát đại đạo thì phải đặt tâm mình trụ vào đây, ấy là lợi tha; còn một câu “A Di Đà Phật” là tự lợi. Tự lợi và lợi tha đồng thời, tự lợi chính là lợi tha, lợi tha chính là tự lợi, niệm niệm không quên “A Di Đà Phật”.

Thứ ba là “Tân”. “Tân” là tinh tấn, không ngừng tiến bộ, tiến bộ là tự tại, là niềm vui; thoái lui là ngã lòng nản chí, là khởi sanh phiền não. Chân tinh tấn là tâm phải thanh tịnh, bình đẳng, và từ bi. Chúng ta phải cầu tiến bộ ở những phương diện này còn những thọ dụng vật chất và tinh thần thì không cần phải cầu vì vốn nó đã ở ngay trong đây rồi. Đây chính là điều nhà Phật thường nói: **“trong công đức có phước đức, nhưng trong phước đức không có công đức”** nên Phật dạy chúng ta phải tu tích công đức là vì vậy. “Công” tức là thực hành công phu, nhưng công phu gì? Buông xả chính là công phu. Buông xả vọng tưởng, chấp trước, buông xả hết thấy điều ác, ấy là “công”. Trí huệ, đức năng và những thọ dụng chúng ta có được đó đều là “đức”. Chúng ta tu công tự nhiên sẽ có đức; không tu công mà vọng tưởng cầu đức thì chắc chắn cầu không được.

Cầu tinh tấn chú trọng ở “tinh”, tinh là thuần mà không tạp. Nếu không tinh tấn, chắc chắn không thể thành tựu. Chúng ta đọc Kinh Hoa Nghiêm biết Thiện Tài Đồng Tử trong hội của Bồ tát Văn Thù được xem là chuyên tinh tấn, nhất môn thâm nhập. Nhất môn thâm nhập đến khi nào mới được xem là quảng học đa văn (nghĩa là học rộng nghe nhiều)? Đến khi hoàn thành tam học giới – định – huệ thì trí huệ mở rồi, phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân, đây là Bồ Tát Sơ trụ của Viên giáo. Vậy là Kinh luận chỉ dạy rất rõ ràng, ở trình độ chưa phá một phẩm vô minh thì chưa có tư cách tham học, chưa có tư cách quảng học đa văn (là học rộng nghe nhiều).

Trong Tứ hoàng thế nguyện trình bày rất rõ:

Một là “*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”,

Hai là “*Phiền não vô tận thế nguyện đoạn*”. Phiền não là Kiến tư phiền não, Trần sa phiền não và Vô minh phiền não. Vô minh phiền não cũng phải phá được mấy phần mới có thể bước vào giai đoạn ba của Tứ hoàng thế nguyện, đó là “*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*”. Chúng ta vừa mới học liền muốn được “học rộng nghe nhiều” nên dốc hết tâm tư tinh lực đến sau cùng lại chẳng thành việc gì cả. Đó là do không nghe Phật Đà dạy. Cuối cùng là “*Phật đạo vô thượng thế nguyện thành*”. Vậy làm sao để thành Phật đạo? Thiện Tài Đồng tử sau cùng là tham phỏng Bồ tát Phổ Hiền. Bồ tát Phổ Hiền “dùng Thập đại nguyện vương mà hồi quy Cực Lạc” thì thành tựu Phật đạo vô thượng. Vậy là mọi thứ đã bày sẵn trước mắt cho ta, chúng ta không thể y giáo phụng hành thì thật đáng tiếc biết bao! Cho nên, phải biết tinh tấn không ngừng thì mới được tự tại.

Thứ tư là “Huệ”, tức là tự tánh trí huệ bát nhã khởi dụng. Tâm không tán loạn hay còn gọi là “nhất tâm bất loạn”, “tâm bất điên đảo” như trong Kinh Di Đà dạy. Trong Tứ thần túc, “Niệm” là “nhất tâm bất loạn” còn “Huệ” là “tâm bất điên đảo”; được vậy mới đạt được đại tự tại, được mọi việc như ý.

Vì bốn điều này có thể phát thần thông nên gọi là “Thần túc”, “túc” là biểu hiện cho ý nghĩa viên mãn. Chúng ta sau khi thấu suốt đạo lý này thì cũng sẽ hiểu cách tu thế nào.

Chương ngại lớn nhất của phàm phu khi tu hành chính là chấp ngã và chấp pháp. Chấp ngã tạo ra “phiền não chướng”, Chấp pháp tạo ra “sở tri chướng”. Cho nên Phật dạy chúng ta trước hết là phải xả bỏ chấp ngã, mới mong tìm được cái “ngã” chân thật. Cái “ngã” này là cái “ngã” của “thường, lạc, ngã, tịnh” mà Kinh Phật hay nói đến, còn trong Thiền tông gọi cái “ngã” đó là “*Phụ mẫu vị sanh tiền bốn lai diện mục*” (nghĩa là: mặt mũi như vốn có trước khi cha mẹ chưa sinh ra). Đó mới thực là chính mình. Còn như cứ chấp cái thân này là “ngã” thì vĩnh viễn sẽ không tìm được “chân ngã”. Thân này đều là giả, không có gì là thực, sinh diệt theo từng sát na. Xả bỏ những cái giả, cái thật ắt hiện tiền.

Vì vậy có thể y theo Tứ thần túc tu học, tức là có thể **“hằng linh thân tâm khinh an khoái lạc”** (Nghĩa là: thường khiến thân tâm nhẹ nhàng an lạc). Đây đã là thọ dụng rồi đó.

“Khinh an” là cảnh giới đầu tiên chứng được của người tu học Phật pháp, được thân tâm an lạc, lìa xa phiền não. Thân thể phàm phu nặng nề là do phiền não tập khí quá nặng, không được khinh an. Khi chúng ta tự mình tu học công phu đắc lực, cảnh giới khinh an tự ắt hiện tiền nhưng khoảng thời gian đó rất ngắn, không thể giữ lâu. Rất nhiều đồng tu có trải nghiệm tương tự như vậy, đặc biệt là lúc tụng kinh niệm Phật, thỉnh thoảng trong khoảnh khắc nào đó sẽ thấy thân tâm trong lành tự tại. Có người đang niệm Phật, đột nhiên cảm giác thân thể không còn nữa rồi, vô cùng dễ chịu, đây đều là cảnh giới khinh an. Nhưng làm thế nào duy trì được vĩnh viễn_ đó mới là công phu!

Tại sao có hiện tượng này? Vì lúc đó trong ta không có vọng niệm, cũng như lìa khỏi vọng tưởng, phân biệt và chấp trước; nhưng ngay sau sát na ấy, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước lại khởi lên, cảnh giới này liền không còn. Tuy thời gian thị hiện ngắn ngủi song đã chứng minh những điều Phật giảng về cảnh giới này là có thật. Cảnh giới này mới chính là chân thật thọ dụng, người thường trụ trong cảnh giới này thì đầu óc sáng suốt, nhìn thấu rành mạch hết thấy những biến hóa của tất cả chúng sanh ở thế gian, nó giống như câu nói *“người trong cuộc thì tối, người ngoài cuộc thì sáng”*. Năng lực này được gọi là “thần thông”.

Vậy sao chúng ta không thấy rõ điều này mà người khác thì có thể? Vì họ đã giác ngộ còn ta vẫn mê lầm, nên những người giác ngộ ấy có thể giúp được cho những người còn mê lầm, điên đảo như chúng ta bằng cách khuyên dạy để chúng ta cầu giác ngộ. Cầu giác ngộ mới thực là cách đúng đắn để giải quyết vấn đề. Không y lại vào người, dựa vào chính mình; không cần người chỉ điểm, tự mình biết rõ hơn hết thì thật tốt biết bao nhiêu!

Vậy nên, nhất định phải tu “Tứ niệm xứ”, “Tứ Niệm xứ” là nhìn thấu, thuần túy là trí huệ; tu “Tứ chánh cần” là đoạn ác tu thiện; tu “Tứ như ý túc”

là buông xả mọi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước rồi sau mới thực sự đạt được “dục tự tại”, “niệm tự tại”, “tỉnh tự tại”, “huệ tự tại”. Những đại tự tại này thật sự có thể chứng được, nhưng bao giờ mới chứng đắc thì nó lại hoàn toàn tùy thuộc vào cá nhân ta. Chúng ta thật tinh tấn thì chứng đắc sớm một ngày, chúng ta lười nhác thì chứng đắc trễ một ngày. Cái “trễ một ngày” này thật ra là rất lâu, có thể là kiếp sau, hoặc kiếp sau nữa, cũng có thể là vô lượng kiếp về sau. Vì vậy, không tinh tấn ắt đọa lạc, nhất định phải tinh tấn không biếng nhác mới được thành tựu.

Ngũ căn trang nghiêm

Kinh văn 50: **“Ngũ căn trang nghiêm cố, Thâm tín kiên cố, tinh cần phỉ giải, thường vô mê vọng, tịch nhiên điều thuận, đoạn chư phiền não”** (Nghĩa là: Dùng ngũ căn trang nghiêm, lòng tin sâu kiên cố, tinh cần không biếng nhác, thường không mê vọng, tĩnh lặng điều hòa, đoạn tất cả phiền não).

Đoạn này giảng giải về việc vận dụng mười thiện nghiệp vào thực hành trong Ngũ căn thì sẽ được những lợi ích công đức thù thắng, cũng tức là chữ “trang nghiêm” mà trong Kinh hay nói đến.

“Thâm tín kiên cố” (nghĩa là lòng tin sâu kiên cố), đây là nhu cầu cấp bách trong việc tu học của chúng ta ngày nay.

“Tinh cần phỉ giải” (nghĩa là tinh cần không biếng nhác” cũng là mong muốn của chúng ta.

“Thường vô mê vọng” (nghĩa là: thường không mê vọng) là trí Huệ hiện tiền.

“Tịch nhiên điều thuận” (nghĩa là: tĩnh lặng điều hòa) là công phu chân thật.

“Đoạn chư phiền não” (nghĩa là đoạn hết phiền não) đây là quả đức.

“Ngũ căn”: Thế nào là “căn”? Cái này Thế Tôn phải dùng một ví dụ để giảng; giống như cây cối có gốc rễ mới sinh trưởng, phát triển, ra hoa, kết

quả. Ngũ căn của chúng ta là “*Tín – Tấn – Niệm – Định – Huệ*”, cũng là năm điều gốc rễ của Vô thượng Bồ đề; nếu không có những điều gốc rễ này thì tu hành không thể thành tựu. Sắp xếp theo thứ tự trước sau, một là “Tín”, hai là “Tinh tấn”, nếu không “Tín” thì không thể nào “Tấn” được; không có “Tấn” thì cũng không có “Niệm”. Do vậy Kinh Hoa Nghiêm có nói “*Tín vi đạo nguyên công đức mẫu, Tăng trưởng nhất thiết chư thiện căn*”, có nghĩa là “***Tín vốn là mẹ sanh ra công đức, nuôi dưỡng tất cả thiện căn***”. Câu nói này ẩn chứa đạo lý lớn vô cùng.

Chúng ta muốn vãng sanh thế giới Tây phương Cực Lạc thì điều kiện tất yếu là “Tam tư lương”. Không đủ ba điều kiện này thì dù mỗi ngày niệm mười vạn lần câu Phật hiệu thì cũng chỉ là kết được một thiện duyên với thế giới Tây Phương Tịnh Độ, đời này chắc chắn không thể vãng sanh. Tam tư lương chính là: “Tín”, “Nguyện”, “Hạnh” mà “Hạnh” tức chỉ lòng thành niệm Phật, đoạn hết thấy điều ác, tu tất cả điều thiện. Người xưa dạy “*Thành tâm niệm Phật là chánh hạnh, đoạn ác tu thiện là trợ hạnh*”; càng quan trọng hơn là lời dạy của Đại sư Liên Trì và Đại sư Ngẫu Ích “*Chánh – Trợ không hai, Chánh – Trợ phải song tu*”, quyết không thể xem nhẹ cái “Trợ” ấy, thế mới mong thành tựu.

Thứ nhất, “*Tín căn*”. “Tín” là gì? Giáo hạ thường nói:

“*U chư đế lý, tín nhãn nhạo dục*”. (nghĩa là: đối với tất cả đế lý, tức chân lý, đạo lý, bạn phải một lòng tin tưởng không giao động, hoan hỷ, ưa muốn)

Chữ “đế lý” nghĩa là chân lý theo cách nói đời nay; đã là chân lý, đạo lý chân thật, chúng ta phải tin tưởng.

Chữ “nhãn” trong “Tín nhãn” có ý “khẳng định”; chúng ta tuy tin rồi nhưng chưa thể khẳng định thì cái “tín” ấy là chưa có căn. Không những phải khẳng định mà còn phải vui thích với niềm tin ấy, rồi sau mới vận dụng vào thực tế thì “Tín” ấy mới là có “căn”.

Chữ “Dục” ở đây là mong muốn, biến niềm tin thành mong muốn của mình. Chúng ta tin vào Đức Phật A Di Đà, tin vào thế giới Cực Lạc; sau khi tin rồi thì lòng phải khẳng định, vui thích rồi biến nó thành mong muốn của mình: “tôi một lòng muốn sanh ở thế giới Cực Lạc, một lòng hi vọng muốn được gần Phật A Di Đà”.

“Tín” có “căn” chính là như thế. Như vậy, ta đã hiểu tại sao người niệm Phật nhiều nhưng được vãng sanh thì ít, nguyên nhân vì những người tu theo pháp môn niệm Phật ấy có tin, nhưng không thể khẳng định.

Lấy ví dụ rõ rệt nhất, ngày nay chúng ta tu Tịnh Độ tông dựa theo bản hội tập Kinh Vô Lượng Thọ nhưng có một số người đặt nghi vấn về bản hội tập này, thế là rất nhiều người tín tâm niệm Phật bị dao động. Như vậy thì gọi là có “tín” nhưng không có “nhẫn”, tất nhiên càng không thật vui thích muốn làm. Nếu không ai đặt lời dị nghị, có lẽ cái “tín” của người niệm Phật cũng được vun đắp dần, rồi họ cũng có thể vãng sanh; thế nhưng người đặt lời dị nghị đã làm thiện căn của họ bị phá sạch. Phải hiểu là những người đặt lời dị nghị vốn không thể phá nổi Phật pháp, cũng không thể phá nổi người tín tâm sâu dày, chỉ những ai tín tâm yếu kém mới bị phá hỏng vì những người tín tâm sâu dày thì cái “tín” của họ có “căn”, dù ai có lý lẽ cỡ nào họ cũng không bị dao động. Việc này là Đại sư Thiện Đạo đã nói trong Chương Thượng Phẩm Thượng Sanh của Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ.

Kinh văn mà hội tập trích ra, từng câu từng chữ đều là lời Phật, không phải do người bản hội đặt thêm; mỗi câu mỗi chữ đều căn cứ y theo năm loại bản gốc trích dịch ra. Ví như có hoài nghi gì với bản hội tập này, có thể không dùng mà chọn dùng bản dịch gốc. Căn tánh chúng sanh không giống nhau, nên Phật độ chúng sanh không chỉ dùng một pháp môn mà là vô lượng pháp môn. Phật giảng nhiều pháp môn vậy là để thích hợp với từng căn tánh của chúng sanh. Chúng ta tự xem pháp môn nào thích hợp với căn tánh của mình, nhìn thấy liền sanh tâm hoan hỷ và xem có thể hiểu thì tức là nó với ta có duyên nên có thể khế hợp với căn cơ của mình.

Hiện nay bên ngoài đang lưu hành bản dịch, hội tập, tiết lục hiệu chỉnh “Kinh Vô Lượng Thọ”, tổng cộng có chín bản và bản nào cũng tốt cả vì vốn **“pháp môn bình đẳng, không phân cao thấp”**. Hội tập là lời Phật giảng mà dù cho không phải lời Phật giảng đi nữa, chỉ cần phù hợp với pháp ấn của Phật thì Phật cũng sẽ thừa nhận đó là Kinh Phật. Tấm lòng của Phật rộng mở biết bao!

Cái gì gọi là “Pháp ấn”?

Tiểu thừa Tam pháp ấn gồm Vô thường, Vô ngã và Niết bàn;

Đại thừa Nhất pháp ấn là thực tướng, thực tướng là chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Điều mà thực tướng nói đến là chân tướng vũ trụ nhân sanh và Chư Phật Như Lai cũng dạy về chân tướng vũ trụ nhân sanh, cho nên đó đều là Kinh Phật. (31,09)

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Chúc bạn:

Không làm các việc ác,

Vâng làm các việc lành,

Tự thanh tịnh tâm ý,

Đó là lời Phật dạy

Website: “www.duongdenhanhphuc.vn”

Kênh Youtube: “[duongdenhanhphuc](https://www.youtube.com/channel/UCv3v3v3v3v3v3v3v3v3v3v3)”

Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công đức vô lượng!